

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Khai thác gỗ rừng trồng	m ³	5.382,42	5.160,40	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3,578	4,489	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,681	0,763	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,545	0,602	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	0,156	0,179	
6	Kim ngạch XNH (Nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích	ha	16.068,46	16.068,46	
8	Tổng số lao động	Người	45	45	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	4,173	4,147	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	0,906	0,675	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	3,267	3,472	

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

Trong năm công ty đầu tư xây dựng lại trụ sở Công ty với tổng giá trị : 2.885.159.000 đồng.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Công ty không có công ty con.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Gia Lai (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai(b/c);
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC



Từ Tấn Lộc

TT	Chi tiêu	DVT	Kế hoạch	Chi tiêu thực hiện	Chi tiêu thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Sản phẩm chính yếu sản xuất	m³	2.382,43	2.160,40	
2	Khối thảo gỗ rừng trồng	m³	2.278	4.480	
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	0,081	0,363	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,245	0,603	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,130	0,139	
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm khác và các khoản chi khác	m³	14.088,40	10.008,40	
8	Tổng số lao động	Người	42	42	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	41,13	41,13	
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	0,900	0,673	
11	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	2,263	2,473	